

Samuel Beckett

Ru

Bản dịch của Nguyễn Đăng Thường

Lời người dịch:

Với các nhân vật và các mảnh đời giống nhau, với những lời đối thoại / độc thoại và những màn kịch tương tự, lặp đi lặp lại, hết mà khác, khác mà hết, sân khấu Beckett tất nhiên đã phản ánh cuộc đời của đại đa số chúng ta. Beckett vừa là cái thế giới tuyệt vọng của chiến tranh và vũ khí hạt nhân đang đe dọa loài người, vừa là cái thế giới tả tơi tro bụi hậu-Hiroshima. Mặc dầu vậy, cái không gian đen và cái không khí đen ấy, cũng đã được chiếu rọi bằng những điểm sáng của ánh đèn. Và sự hài hước.

Cuộc đời rất oái oăm, khó hiểu, nhiều khổ đau hơn hạnh phúc. Cuộc đời là một sự phi lý. Cho nên nhân vật truyện và kịch Beckett - thường là không tên và chỉ là một lời độc thoại lải nhải, triền miên để chứng tỏ rằng mình còn sống - luôn luôn chế diễu cái cảnh phù du của nhân thế, nguyên rửa các đấng sinh thành ¹. Trước khi chìm vào giấc ngủ ngàn thu, không tiếc thương không bịn rịn, N, nhân vật nữ trong kịch bản *Ru*, chỉ dung tục một tiếng *fuck life*, để giã từ trần giới, mà tôi xin tạm dịch là “cuộc đời cái con khỉ”.

Ru (Rockaby) là một bài thơ hiện sinh, là một điệp khúc về sự cô đơn, và tuổi già, và cái chết. Nó còn có thể là một bức tranh trừu tượng với những mảng màu đen, trắng, xám trên sàn gỗ. Nó cũng có thể là nhiều thứ khác nữa tùy ở mỗi cá nhân. Nhưng trước tiên, nó là cuộc đời y hệt của hai phụ nữ, một bà mẹ già đã hơi khập khùng và một cô gái lỡ thời, còn khoác chiếc áo dài của tuổi thanh xuân. Hai mảnh đời trơ trọi, hai kiếp người lẻ loi, được tác giả thu gọn trong một ngày độc nhất, ngày cuối cùng của cô gái trên dương thế.

Beckett nói các vở kịch của ông không nhằm tả chân sự việc ngoài đời, mà chỉ cốt diễn tả những tâm trạng. Đối với Hamm, nhân vật bị mù lòa và tê liệt trong kịch bản *Chung cuộc (Endgame)*, thì chẳng có cái gì khôi hài hơn là sự bạc phước.

◦ ◦ ◦

Ánh sáng:

Mờ và yếu dần trên chiếc ghế. Sân khấu trong bóng tối. Một ánh đèn tròn rọi lên khuôn mặt nhân vật nữ, tuy cũng mờ nhưng không thay đổi, trong khi ánh sáng trên chiếc ghế cứ yếu dần. Ánh đèn tròn có thể khá rộng để khán giả có thể nhìn thấy rõ sự đu đưa yếu ớt, hay chỉ tập trung vào khuôn mặt thôi, khi chưa khởi sự hoặc khi đã đu đưa.

Lúc đầu: chỉ có ánh đèn tròn rọi lên trên khuôn mặt, một lúc lâu, rồi chiếc ghế mới dần dần hiện ra trong ánh sáng mờ mờ.

Lúc cuối: ánh sáng tắt trên chiếc ghế, chỉ còn lại ánh đèn tròn trên khuôn mặt, một lúc lâu, cái đầu rũ xuống nằm bất động, đèn tắt.

N:
Khuôn mặt của nàng đã già trước tuổi. Mái tóc bạc và rối. Đôi mắt mở to trên khuôn mặt trắng bệch. Đôi tay trắng bệch bấu chặt vào thành ghế.

Mắt:
Lúc thì khép chặt lúc thì mở to không chớp. Thời gian khép và mở cần phải được chia đều trong phần 1, phần nửa khép phần nửa mở. Trong phần 2 và 3, khép nhiều hơn mở. Nhắm hẳn lại từ giữa phần 4 cho tới lúc vở kịch chấm dứt.

Y phục:
Áo dài dạ hội màu đen có viền ren, phủ kín thân hình từ cổ xuống tới chân. Tay dài. Các vảy bạc dính vào vạt áo lấp lánh trong lúc đu đưa. Chiếc mũ lệch như sắp rơi, có kết những trang trí rất lạ kỳ để bắt ánh sáng lúc đu đưa.

Thái độ:
Toàn thân bất động cho đến lúc ánh sáng tắt trên ghế. Rồi cái đầu gục xuống trong ánh đèn tròn.

Đu đưa:
Yếu và chậm. Không do tác động của N, mà được điều khiển bằng máy.

Ghế:
Bằng gỗ, không sơn phết nhưng đánh thật bóng để bắt ánh sáng, và có thêm chỗ gác chân. Lưng ghế thẳng. Hai tay vịn cong và tròn đầu, như thể để cho dễ nắm.

Tiếng nói:
Nhỏ, đều, không biểu lộ tình cảm, yếu dần từ câu «không thể tiếp tục được nữa». Các câu chữ nghiêng được N phát âm chung với T, mỗi lần lại nhỏ hơn. Lệnh «Nói nữa đi» của N, mỗi bận càng yếu dần.

N - Nhân vật nữ ngồi trên ghế xích đu.
T - Tiếng nói thâu bằng của nàng.

Đèn rọi lên mặt N đang ngồi trên một chiếc ghế xích đu đối diện khán giả, nhưng hơi lệch về mé trái. Một lúc lâu.

N:
Nói nữa đi.

Một lát. Nói và đu đưa đồng thời.

T:
rồi một hôm nào
cuối một ngày rất dài
nàng cũng phải nói
cũng phải thầm nhủ
bởi chẳng còn ai nữa
đã đến lúc nên chấm dứt

đã đến lúc nên chấm dứt

đừng lang thang nữa

đừng tới chỗ nọ chỗ kia

đôi mắt mở to

dòm ngó khắp nơi

trên trời dưới đất

tìm kiếm một người như nàng

một kẻ lạ mặt như nàng

tựa tựa như nàng

lang thang như nàng

tới chỗ nọ chỗ kia

đôi mắt mở to

dòm ngó khắp nơi

trên trời dưới đất

tìm kiếm một người

rồi một hôm nào

cuối một ngày rất dài

nàng cũng phải nói

cũng phải thăm nhủ

bởi chẳng còn ai nữa

đã đến lúc nên chấm dứt

đã đến lúc nên chấm dứt

đừng đi đâu nữa

đừng tới chỗ nọ chỗ kia

đôi mắt mở to

dòm ngó khắp nơi

trên trời dưới đất

tìm kiếm một mảnh linh hồn còn sống

một mảnh linh hồn độc nhất vẫn còn sống

vẫn còn lang thang

tới chỗ nọ chỗ kia

đôi mắt mở to như đôi mắt nàng

dòm ngó khắp nơi
trên trời dưới đất
tìm kiếm một người
một người như nàng
tựa tựa như nàng
lang thang như nàng
tới chỗ nọ chỗ kia
rồi một hôm nào
cuối một ngày rất dài
nàng cũng phải thăm nhủ
bởi chẳng còn ai nữa
đã đến lúc nên chấm dứt
đừng lang thang nữa
đừng tới chỗ nọ chỗ kia
đã đến lúc nên chấm dứt
đã đến lúc nên chấm dứt

*Đồng thanh: những vọng âm của «nên chấm dứt», ngừng đu đưa, ánh sáng yếu bớt.
Một lúc lâu.*

N:

Nói nữa đi.

Một lát. Nói và đu đưa đồng thời.

T:

bởi thế cho nên
cuối một ngày rất dài
nàng đã trở về nhà
và đã thăm nhủ
bởi chẳng còn ai nữa
đã đến lúc nên chấm dứt

đã đến lúc nên chấm dứt

đừng lang thang nữa

đừng tới chỗ nọ chỗ kia

mà phải trở về nhà

ngồi bên khung cửa sổ

ngồi lặng im bên khung cửa sổ

đối diện những khung cửa sổ khác

bởi thế cho nên

cuối một ngày rất dài

nàng đã trở về nhà

ngồi bên khung cửa sổ

vén tấm màn lên và ngồi

ngồi lặng im bên khung cửa sổ

khung cửa sổ độc nhất

đối diện những khung cửa sổ khác

những khung cửa sổ độc nhất khác

đôi mắt mở to

dòm ngó khắp nơi

trên trời dưới đất

tìm kiếm một người

một người ngồi bên một khung cửa sổ

một kẻ lạ mặt như nàng

tựa tựa như nàng

một mảnh linh hồn khác còn sống

một mảnh linh hồn độc nhất khác vẫn còn sống

đã trở về nhà như nàng

rất cục cựa đã trở về nhà như nàng

cuối một ngày rất dài

và cũng đã thắm nhủ

bởi chẳng còn ai nữa

đã đến lúc nên chấm dứt

đã đến lúc nên chấm dứt

đừng lang thang nữa
đừng tới chỗ nọ chỗ kia
mà phải trở về nhà
ngồi bên khung cửa sổ
ngồi lặng im bên khung cửa sổ
khung cửa sổ độc nhất
đối diện những khung cửa sổ khác
những khung cửa sổ độc nhất khác
đôi mắt mở to
dòm ngó khắp nơi
trên trời dưới đất
tìm kiếm một người
một người như nàng
tựa tựa như nàng
một mảnh linh hồn còn sống
một mảnh linh hồn độc nhất vẫn còn sống
một mảnh linh hồn độc nhất khác vẫn còn sống

*Đồng thanh: những vọng âm «vẫn còn sống», ngừng đu đưa, ánh sáng yếu bớt.
Một lúc lâu.*

N:

Nói nữa đi.

Một lát. Nói và đu đưa đồng thời.

T:

rồi một hôm nào
cuối một ngày rất dài
ngồi bên khung cửa sổ
ngồi lặng im bên khung cửa sổ
khung cửa sổ độc nhất
đối diện những khung cửa sổ khác

những khung cửa sổ độc nhất khác
màn đã hạ
các tấm màn đều đã hạ xuống
trừ tấm màn của nàng
rồi một hôm nào
cuối một ngày rất dài
ngồi bên khung cửa sổ
ngồi lặng im bên khung cửa sổ
đôi mắt mở to
dòm ngó khắp nơi
trên trời dưới đất
tìm kiếm một tấm màn
một tấm màn cửa sổ khác còn mở hé
một tấm màn cửa sổ độc nhất khác vẫn còn mở hé
chỉ thế thôi
không cần phải có một khuôn mặt
sau khung kính
không cần phải có một đôi mắt
thèm thường như đôi mắt nàng
thèm được ngó
thèm được người khác ngó
không có
một tấm màn nào còn để mở hé
như tấm màn của nàng
tựa tựa như tấm màn của nàng
chỉ cần có một tấm màn vẫn còn để mở hé
và nơi ấy có một kẻ khác
tại một chỗ nào đó
sau khung kính
một mảnh linh hồn khác còn sống
một mảnh linh hồn độc nhất khác vẫn còn sống
rồi một hôm nào

cuối một ngày rất dài
nàng cũng phải nói
cũng phải thầm nhủ
bởi chẳng còn ai nữa
đã đến lúc nên chấm dứt
đã đến lúc nên chấm dứt
ngồi bên khung cửa sổ
khung cửa sổ độc nhất
đối diện những khung cửa sổ khác
đôi mắt mở to
dòm ngó khắp nơi
trên trời dưới đất
đã đến lúc nên chấm dứt
đã đến lúc nên chấm dứt

*Đồng thanh: những vọng âm của «nên chấm dứt» ngừng du đưa, ánh sáng yếu bớt.
Một lúc lâu.*

N:

Nói nữa đi.

Một lát. Nói và du đưa đồng thời.

T:

bởi thế cho nên
cuối một ngày rất dài
nàng đã đi xuống
rất cục nàng cũng đã đi xuống
trên các bậc thang dốc
nàng đã hạ màn và nàng đã đi
xuống nhà dưới
ngồi trên chiếc ghế xích đu cũ

chiếc ghế của mẹ nàng
chiếc ghế mẹ nàng đã ngồi
quanh năm suốt tháng
trong bộ đồ đen đẹp nhất
xích tới xích lui
xích hoài xích mãi
chờ đợi phút cuối cùng
cái phút cuối cùng của mẹ nàng
mẹ già nàng đã hơi khùng khùng
tí thôi không nhiều lắm
chỉ hơi khật khùng nhưng cũng vô hại
và bà đã tắt nghỉ trong một ngày
không
trong một đêm
bà đã tắt nghỉ trong một đêm
cuối một ngày rất dài
trên chiếc ghế xích đu
trong bộ đồ đen đẹp nhất
cái đầu rũ xuống
trên chiếc ghế xích đu
xích tới xích lui
xích hoài xích mãi
bởi thế cho nên
cuối một ngày rất dài
nàng đã đi xuống
rất cục nàng cũng đã đi xuống
trên các bậc thang dốc
hạ màn và đi
xuống nhà dưới
ngồi trên chiếc ghế xích đu cũ
trên cánh tay vẫn còn ru
xích tới xích lui

xích hoài xích mãi
đôi mắt đã nhắm lại
rốt cục chúng cũng đã khép lại
nàng vẫn từ bấy lâu nay
đôi mắt mở to
đôi mắt thèm thuồng
dòm ngó khắp nơi
trên trời dưới đất
ngồi bên khung cửa sổ
chỉ cốt để được ngó
và được người khác ngó
rồi một hôm nào
cuối một ngày rất dài
nàng cũng phải thăm nhủ
bởi chẳng còn ai nữa
đã đến lúc nên chấm dứt
hạ màn và đi
trên các bậc thang dốc
xuống nhà dưới
chính nàng hay là một mảnh linh hồn nào khác
một mảnh linh hồn nào khác hãy còn sống
bởi thế cho nên
cuối một ngày rất dài
nàng đã đi xuống
trên các bậc thang dốc
hạ màn và đi
xuống nhà dưới
ngồi trên chiếc ghế xích đu cũ
xích tới xích lui
xích hoài xích mãi
nàng đã thăm nhủ
không

không thể tiếp tục được nữa
nàng đã bảo chiếc ghế xích đu
bảo cánh tay vẫn còn ru
nàng đã bảo nó
hãy ru cho nàng ngủ
hãy vuốt mắt cho nàng
ạ à à
ạ à ời
cuộc đời cái con khi
hãy vuốt mắt cho nàng
hãy ru cho nàng ngủ
hãy ru cho nàng ngủ

Đồng thanh: những vọng âm của «ru cho nàng ngủ», ngừng đu đưa, ánh sáng yếu dần, rồi tắt hẳn.

Nguyễn Đăng Thường dịch
đối chiếu theo bản tiếng Anh và tiếng Pháp

Samuel Beckett, *Ru* (Trình Bày, 2000 — trong tủ sách Tư liệu kịch). Bản gốc: *Rockaby* trong *Three Occasional Pieces* (Faber and Faber, 1982), và *Berceuse* (bản tiếng Pháp do tác giả dịch) trong *Catastrophe et autres dramaticules* (Les Éditions de Minuit, 1986).

¹ Khi đọc cuốn tiểu sử Beckett của Deirdre Bair, tôi mới được biết rằng Beckett không đồng ý với lối diễn dịch “cải lương” này, mà đại đa số độc giả cũng như khán giả đều đã vấp phải. Theo lời Beckett thì đó chỉ là một phương tiện kỹ thuật, một cách gọn gàng nhất để cho các nhân vật có thể đột hiện đột biến trên sân khấu. (Deirdre Bair, *Samuel Beckett: A biography*, New York and London: Harcourt Brace Jovanovich, 1978, tr. 396). Tuy nhiên, các nhà văn, nhất là các nhà văn thích bông đùa, thường tuyên bố những ý tưởng nghịch thường (paradoxe), chỉ ít là để “chọc quê” các độc giả trịnh trọng khi họ rón rén tiếp cận các tác phẩm, do vậy chúng ta vẫn được quyền (ngụy biện?) tiếp thu một tác phẩm văn học theo cảm xúc riêng, nếu trí tưởng tượng của ta không quá dồi dào phóng túng để dám suy diễn (theo vài nhà phê bình) rồi quả quyết rằng chờ Godot là đợi... Thượng đế!